

CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi: - Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk;
- Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát,
nhà thầu thi công; các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.

Xí nghiệp Tư vấn xây dựng công trình giao thông 5.1 công bố thông tin về năng lực đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với một số nội dung sau:

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG:

1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: XÍ NGHIỆP TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 5.1.
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh mã số chi nhánh 04001958-003 (đăng ký lần đầu: ngày 25 tháng 01 năm 2026; Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 02 tháng 11 năm 2011; cơ quan cấp Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Phú Yên.
3. Số điện thoại liên hệ cố định: 02573.747820.
4. Địa chỉ hòm thư điện tử (email): tecco5.1@gmail.com
5. Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng và nền móng công trình (LAS-XD 233).
6. Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: 569 Nguyễn Tất Thành, phường Bình Kiến, tỉnh Đắk Lắk.
7. Địa chỉ đặt trạm thí nghiệm hiện trường (nếu có):.....
8. Website công bố thông tin năng lực của tổ chức: <https://tecco5.com.vn>

II. THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC PHÒNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG:

Bảng số 01

TT	Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý đất			
1	Khối lượng riêng	TCVN 4195-2012	Cân kỹ thuật; bình tỷ trọng 100ml; cối chày đồng; rây số 2; bếp cát; tủ sấy; máy hút chân không; phễu nhỏ; hộp nhôm có nắp, thiết bị ổn nhiệt	Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Huỳnh Trần Mỹ Hân Nguyễn Thị Tuyết Sương Trần Bá Phúc

2	Độ ẩm	TCVN 4196-2012	Tủ sấy hiệu chỉnh nhiệt độ; hộp nhôm có nắp; rây có đường kính rây 1mm; cối chày sứ bọc cao su; khay mẫu; cân kỹ thuật; bình hút ẩm có canxi clorua	Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Huỳnh Trần Mỹ Hân Nguyễn Thị Tuyết Sương Trần Bá Phúc
3	Giới hạn chảy	TCVN 4197-2012	Tủ sấy hiệu chỉnh nhiệt độ; hộp nhôm có nắp; cân kỹ thuật; rây có đường kính rây 1mm; cối chày sứ bọc cao su; bát sứ; dao trộn, bộ casagrande hoặc valixiev	Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Huỳnh Trần Mỹ Hân Nguyễn Thị Tuyết Sương Trần Bá Phúc
4	Giới hạn dẻo	TCVN 4197-2012	Tủ sấy hiệu chỉnh nhiệt độ; hộp nhôm có nắp; cân kỹ thuật; rây có đường kính rây 1mm; cối chày sứ bọc cao su; bát sứ; dao trộn; tấm kính nhám 40x60cm	Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Huỳnh Trần Mỹ Hân Nguyễn Thị Tuyết Sương Trần Bá Phúc
5	Thành phần hạt			
	- Phương pháp sàng	TCVN 4198-2014	Bộ sàng tiêu chuẩn; cân kỹ thuật; tủ sấy hiệu chỉnh nhiệt độ; bình hút ẩm thiết bị nghiền đất; khay đựng, bát sứ; các dụng cụ phụ trợ	Lê Hoài Phìn Huỳnh Trần Mỹ Hân Nguyễn Thị Tuyết Sương Trần Bá Phúc
	- Phương pháp tỷ trọng kế	TCVN 4198-2014	Sàng tiêu chuẩn, tỷ trọng kế; nhiệt kế; ống đong 1000ml; bình tam giác, bếp cát	Lê Hoài Phìn Huỳnh Trần Mỹ Hân Trần Bá Phúc
6	Tính kháng cắt (cắt phẳng)	TCVN 4199-1995	Máy cắt phẳng, hộp cắt; dao vòng	Lê Hoài Phìn Huỳnh Trần Mỹ Hân Trần Bá Phúc
7	Tính nén lún (không nở hông)	TCVN 4200-2012	Hộp nén, bàn nén; bộ phận tăng tải với hệ cánh tay đòn; thiết bị đo biến dạng	Lê Hoài Phìn Huỳnh Trần Mỹ Hân Trần Bá Phúc
8	Đầm nén tiêu chuẩn	TCVN12790-2020	Cối đầm d=101.6mm; chày đầm 2.495Kg; cối đầm d=152.4mm; cân kỹ thuật; tủ sấy; sàng tiêu chuẩn; khay trộn mẫu; dao gạt; hộp ẩm và các thiết bị phụ trợ	Lê Hoài Phìn Huỳnh Trần Mỹ Hân Trần Bá Phúc Trần Phúc Lợi
9	Khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202-2012	Cân kỹ thuật có giá đỡ độ chính xác 0.01g; cốc thủy	Lê Hoài Phìn Huỳnh Trần Mỹ Hân

			tinh; dao gọt và các thiết bị phụ trợ	Trần Bá Phúc
10	Sức chịu tải (CBR)	TCVN12792-2020	Máy xuyên CBR; thiết bị gia tải; đồng hồ đo biến dạng; Bộ cối, chày đầm CBR; dụng cụ đo trương nở; cân kỹ thuật; tủ sấy; bể ngâm mẫu; sàng tiêu chuẩn và các phụ kiện phụ trợ	Lê Hoài Phìn Huỳnh Trần Mỹ Hân Trần Bá Phúc Trần Phúc Lợi
11	Hệ số thấm của đất	TCVN 8723 : 2012	Bộ dụng cụ xác định hệ số thấm ở PP cột nước thay đổi và cột nước không thay đổi, dao vòng, cân kỹ thuật, tủ sấy và các phụ kiện phụ trợ	Lê Hoài Phìn Huỳnh Trần Mỹ Hân Trần Bá Phúc
12	Khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời trong phòng thí nghiệm	TCVN 8721 : 2012	Cối đầm Proctor, búa rung điện, tủ sấy, cân điện tử , bộ sàng và các phụ kiện phụ trợ.	Lê Hoài Phìn Huỳnh Trần Mỹ Hân Trần Bá Phúc Trần Phúc Lợi
13	Góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724 : 2012	Bộ dụng cụ xác định góc nghỉ bằng phương pháp nón đất, thùng chứa nước, sàng, khay đựng đất và các phụ kiện phụ trợ	Lê Hoài Phìn Huỳnh Trần Mỹ Hân Trần Bá Phúc
14	Nén nở hông (qu) và mô đun	TCVN3121:2003	Máy nén nở hông; thiết bị đun mẫu; thiết bị đo biến dạng; đồng hồ bấm giây; cân kỹ thuật;	Lê Hoài Phìn Huỳnh Trần Mỹ Hân Trần Bá Phúc
II	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của xi măng			
1	Độ mịn	TCVN 4030-2003	Sàng tiêu chuẩn 0.09mm; cân kỹ thuật 0.01g; tủ sấy	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Trần Phúc Lợi
2	Khối lượng riêng	TCVN 4030-2003	Bình xác định khối lượng riêng; cân kỹ thuật 0.01g; bể ổn nhiệt; phễu nhỏ	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Trần Phúc Lợi
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và độ ổn định thể tích	TCVN 6017 – 2015 ISO 9597 – 2008	Cân kỹ thuật 0.01g; ống đong; máy trộn; Bộ vika; dụng cụ le Chatelier; thùn đùn; bếp đun và các dụng cụ phụ trợ	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Trần Phúc Lợi

4	Giới hạn bền nén & uốn	TCVN 6016 – 2011 ISO 679 – 2009	Bê ngâm mẫu; sàng tiêu chuẩn; máy trộn; khuôn mẫu; máy dẫn tạo mẫu; giá uốn; bàn nén; máy nén	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Trần Phúc Lợi
III	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của cốt liệu dùng cho bê tông và vữa (Đá dăm, sỏi và cát)			
1	Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2 : 2006	Cân kỹ thuật; bộ sàng tiêu chuẩn; tủ sấy; bộ chia mẫu	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong
2	Khối lượng riêng	TCVN 7572-4 : 2006	Cân kỹ thuật; tủ sấy; bình thủy tinh 1000ml; thùng ngâm mẫu; khay đựng; sàng; côn thử độ sụt; phễu chứa; que chọc kim loại; bình hút ẩm	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Trần Phúc Lợi
3	Khối lượng thể tích của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5 : 2006	Cân kỹ thuật; thùng ngâm mẫu; thước kẹp; tủ sấy; và các thiết bị phụ trợ	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong
4	Khối lượng thể tích xốp và độ hong	TCVN 7572-6 : 2006	Thùng đông; cân kỹ thuật; phễu chứa; bộ sàng tiêu chuẩn; tủ sấy; thước lá; thanh gạt	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Trần Phúc Lợi
5	Độ ẩm	TCVN 7572-7 : 2006	Hộp ẩm; tủ sấy; cân kỹ thuật và các dụng cụ phụ trợ	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong
6	Hàm lượng bụi, bùn, sét trong cốt liệu	TCVN 7572-8 : 2006	Cân kỹ thuật; tủ sấy; thùng rửa; đồng hồ bấm giây; tấm kính phẳng; que sắt	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong
7	Tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9 : 2006	Ổng đông 100&250ml; cân kỹ thuật; bếp cahs thủy; sàng; và các dụng cụ phụ trợ	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong
8	Cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10 : 2006	Máy nén thủy lực; máy cắt mẫu; thước kẹp; thùng ngâm mẫu	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong
9	Độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11 : 2006	Máy nén thủy lực; Xi lanh thép; cân kỹ thuật; bộ sàng tiêu chuẩn; tủ sấy; thùng ngâm mẫu;	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Trần Phúc Lợi
10	Độ mài mòn Los Angeles (LA)	TCVN 7572-12 : 2006	Máy quya Los Angeles; bi thép; cân kỹ thuật; bộ sàng tiêu chuẩn; tủ sấy	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Trần Phúc Lợi

11	Hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13 : 2006	Cân kỹ thuật; thước kẹp; bộ sàng tiêu chuẩn; tủ sấy	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Trần Phúc Lợi
12	Hàm lượng hạt mềm yếu & phong hóa	TCVN 7572-17 : 2006	Cân kỹ thuật; tủ sấy; bộ sàng tiêu chuẩn; kim sắt & nhômm; búa con	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Trần Phúc Lợi
13	Hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18 : 2006	Cân kỹ thuật; kính lúp	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Trần Phúc Lợi
14	Hàm lượng mi ca trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20 : 2006	Cân phân tích; tủ sấy; bộ sàng tiêu chuẩn; giấy nhám; đĩa thủy tinh	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Trần Phúc Lợi
15	Đương lượng cát	ASTM D2419: 02	Cân kỹ thuật; bộ sàng tiêu chuẩn; tủ sấy, ống đong, phễu, giá đỡ, tấm kính, dao gạt và các dụng cụ phụ trợ	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Trần Phúc Lợi
16	Độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011	Cân kỹ thuật; bộ sàng tiêu chuẩn; tủ sấy, ống đong, phễu, giá đỡ, tấm kính, dao gạt và các dụng cụ phụ trợ	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Trần Phúc Lợi
17	Độ góc cạnh của cốt liệu thô	TCVN11807:2017	Cân kỹ thuật; bộ sàng tiêu chuẩn; tủ sấy, ống đong, phễu, giá đỡ, tấm kính, dao gạt và các dụng cụ phụ trợ	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Trần Phúc Lợi
IV	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của bê tông xi măng			
1	Độ sụt của hỗn hợp bê tông xi măng	TCVN 3106-1993	Côn thử độ sụt; phễu; que chọc; thước lá	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Trần Phúc Lợi
2	Khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông xi măng	TCVN 3108-2022		Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Trần Phúc Lợi
3	Độ tách nước và tách vữa của hỗn hợp bê tông xi măng	TCVN 3109-2022	Khuôn thép 20x20x20cm; bàn rung; thanh thép tròn; cân kỹ thuật; sàng; thước lá; tủ sấy	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Trần Phúc Lợi
4	Khối lượng riêng của bê tông	TCVN 3112-2022	Cân kỹ thuật, bình tỷ trọng, máy hút chân không	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn
5	Độ hút nước	TCVN 3113-2022	Cân kỹ thuật; thùng ngâm mẫu; tủ sấy	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn

6	Khối lượng thể tích	TCVN 3115-2022	Cân kỹ thuật; thước lá; bếp điện; thùng nấu paraffin; tủ sấy	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Trần Phúc Lợi
7	Cường độ nén của bê tông	TCVN 3118-2022	Máy nén; thước lá;	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn
8	Cường độ kéo khi uốn	TCVN 3119-2022	Máy thử uốn; giá đỡ; thước lá	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Trần Phúc Lợi
9	Cường độ chịu kéo khi bẻ	TCVN 3120-2022	Máy nén; gối truyền tải; tấm đệm gỗ	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Trần Phúc Lợi
10	Thí nghiệm thấm	TCVN 3116:1993	Khuôn thiết bị, đồng hồ, thước	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Trần Phúc Lợi
12	Xá định thành phần cấp phối bê tông QĐ778 /1998/QĐ-BXD	TCVN 10306:2014		Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Trần Phúc Lợi
V	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của vữa xây dựng			
1	Độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3: 2022	Cân kỹ thuật; thước kẹp; khay trộn mẫu; bàn đẵn; khâu hình côn	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Trần Phúc Lợi
2	Khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8: 2022	Máy hút chân không; phễu; đồng hồ bấm giây và các thiết bị phụ trợ	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Trần Phúc Lợi
3	Cường độ uốn và nén của mẫu vữa đã đóng rắn.	TCVN 3121-11: 2022	Khuôn kim loại; chày đầm; thùng bảo dưỡng mẫu; máy nén, uốn	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Trần Phúc Lợi
4	Độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18: 2022	Cân kỹ thuật; tủ sấy; thùng ngâm mẫu	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Trần Phúc Lợi
VI	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của gạch xây			
1	Độ bền nén	TCVN 6355:2009	Máy nén, tấm đệm, thước	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn
2	Cường độ uốn	TCVN 6355:2009	Máy nén, gối đỡ, thước	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn
3	Độ hút nước	TCVN 6355:2009	Thùng ngâm mẫu, cân kỹ thuật	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn

4	Khối lượng thể tích	TCVN 6355: 2009	Cân kỹ thuật, bình tỷ trọng	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn
VII Phép thử các chỉ tiêu cơ lý ngói đất sét nung				
1	Tải trọng uốn gãy của ngói	TCVN 4313:1995	Máy nén, gối uốn, thước	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn
2	Độ hút nước của ngói	TCVN 4313:1995	Cân kỹ thuật, bình hút ẩm	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn
3	Thời gian xuyên nước	TCVN 4313:1995	Cân kỹ thuật	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn
4	Khối lượng 1m ² bão hòa	TCVN 4313:1995	Cân kỹ thuật, thước lá	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn
VIII Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của bột khoáng chất				
1	Thành phần hạt	TCVN 12884:2020	Bộ sàng; cân kỹ thuật; Bát sứ; chày giã; bình hút ẩm	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Trần Phúc Lợi
2	Chỉ số dẻo	TCVN 4197:2012	Cân kỹ thuật, Bộ casagrande, bình hút ẩm	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Trần Phúc Lợi
3	Độ ẩm	TCVN 12884:2020	Cân kỹ thuật; hộp nhôm; tủ sấy	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Trần Phúc Lợi
4	Khối lượng riêng	TCVN 8735:2012	Bình tỷ trọng 100; cân kỹ thuật; bình hút ẩm; thiết bị nghiền đá; nhiệt kế; tủ sấy; sàng; bát sứ; nước cất.	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Trần Phúc Lợi
5	Khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng	22 TCN 58-1984	Khuôn mẫu; máy nén; cân kỹ thuật; khay; dao gạt	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Trần Phúc Lợi
6	Hệ số hao nước	TCVN 12884:2020	cân kỹ thuật; tủ sấy; chày có bịt đầu cao su; đĩa thủy tinh, ống đồng; dầu hỏa; nước cất sàng; bát sứ	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Trần Phúc Lợi
7	Hệ số tích nước	TCVN 12884:2020	cân kỹ thuật; tủ sấy; chày có bịt đầu cao su; đĩa thủy tinh, ống đồng; dầu hỏa; nước cất sàng; bát sứ	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Trần Phúc Lợi

8	Lượng mất khi nung	22 TCN 58-1984	Cân kỹ thuật; chén sứ chịu nhiệt; tủ sấy; lò nung; bình hút ẩm	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Trần Phúc Lợi
9	Khối lượng thể tích và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng chất và nhựa đường	22 TCN 58-1984	Cân kỹ thuật; cối sứ; chày bịt cao su; bát sứ; tủ sấy; khuôn thép; dao gạt; máy nén; máy trộn BTN; khay; nhiệt kế; sàng 1.25mm	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Trần Phúc Lợi
IX	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của nhựa đường			
1	Độ kim lún ở 25°C	TCVN 7495-2005 ASTM D 5-97	Thiết bị xuyên; kim xuyên; cốc đựng mẫu; bể ổn nhiệt; bình chuyển tiếp; đồng hồ bấm giây; nhiệt kế	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Trần Phúc Lợi
2	Độ kéo dài ở 25°C	TCVN 7496-2005 ASTM D 113-99	Khuôn; bể ổn nhiệt; máy kéo nhựa; nhiệt kế	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong
3	Nhiệt độ hoá mềm	TCVN 7497-2005 ASTM D 36-00	Vòng định hướng; bi; vòng mẫu; tấm lót; bình thủy tinh; khung treo; nhiệt kế; bếp gia nhiệt	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Trần Phúc Lợi
4	Nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498-2005 ASTM D 92-02b	Cốc hồ; dụng cụ đo nhiệt độ; bếp điện gia nhiệt và các dụng cụ phụ trợ	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Trần Phúc Lợi
5	Độ dính bám với đá	TCVN 7504-2005	Dây buộc; bình thủy tinh; bếp đun; nhiệt kế; nước cất	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong
6	Khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 7501-2005 ASTM D 70-03	Tỷ trọng kế; bể ổn nhiệt; nhiệt kế; bình tỷ trọng và các dụng cụ phụ trợ	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong
7	Tỷ lệ kim lún khi đun ở 163°C trong 5 giờ so với độ kim lún ở 25°C	TCVN 7495-2005 ASTM D 5-97	Thiết bị xuyên; kim xuyên; cốc đựng mẫu; bể ổn nhiệt; bình chuyển tiếp; đồng hồ bấm giây; nhiệt kế	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Trần Phúc Lợi
8	Lượng tồn thất khi nung ở 163°C trong 5 giờ	TCVN 7499-2005 ASTM D6-00	Tủ sấy; nhiệt kế; cốc mẫu và các dụng cụ phụ trợ	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Trần Phúc Lợi

9	Lượng hoà tan của nhựa trong Tricloretylen	TCVN 7500-2005 ASTM D2042-01	Cốc; lưới sợi thủy tinh; bình lọc; ống lọc; ống cao su; bình 125ml; tủ sấy; cân kỹ thuật và các dụng cụ phụ trợ	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Trần Phúc Lợi
10	Xác định ảnh hưởng của nhiệt và không khí bằng phương pháp sấy màng mỏng.	TCVN 11711:2017	Tủ sấy và thiết bị đi kèm	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Trần Phúc Lợi
X	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của bê tông nhựa			
1	Độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011	Máy nén Marshall; bộ gia tải; thiết bị đo lực; đồng hồ đo biến dạng; khuôn mẫu; bộ chày đầm; tủ sấy; thiết bị trộn; thiết bị gia nhiệt; bể ổn nhiệt; khay mẫu; cân kỹ thuật; thước kẹp và các dụng cụ phụ trợ	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Trần Phúc Lợi
2	Hàm lượng bitum trong hỗn hợp BTN (bằng máy quay li tâm)	TCVN 8860-2:2011	Máy quay li tâm; giấy lọc; tủ sấy; bếp điện; lò nung; khay mẫu; bình hút ẩm; cân kỹ thuật; ống đông cốc nung và các dụng cụ phụ trợ	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Trần Phúc Lợi
3	Thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011	Cân kỹ thuật; bộ sàng tiêu chuẩn; tủ sấy và các dụng cụ phụ trợ	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Trần Phúc Lợi
4	Tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011	Bình khối lượng riêng 250 hay 500cm ³ , cân kỹ thuật (0,01g), máy hút chân không, nhiệt kế thủy ngân, chậu rửa, ống nhỏ giọt, nước cất, dung dịch có phụ gia thấm ướt và các dụng cụ phụ trợ	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Trần Phúc Lợi
5	Tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa ở trạng thái đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011	Bình khối lượng riêng 250 hay 500cm ³ , cân kỹ thuật (0,01g), máy hút chân không, nhiệt kế thủy ngân, chậu rửa, ống nhỏ giọt, nước cất, dung dịch có phụ gia thấm ướt và các dụng cụ phụ trợ	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Trần Phúc Lợi

6	Độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011	Ổng đóng 100ml, cân, giá đỡ, phễu	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Trần Phúc Lợi
7	Độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011	Cân kỹ thuật, thiết bị phụ trợ	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Trần Phúc Lợi
8	Độ rỗng dư của hỗn hợp BTN	TCVN 8860-9:2011	Cân kỹ thuật, thiết bị phụ trợ	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Trần Phúc Lợi
9	Độ rỗng của cốt liệu	TCVN 8860-10:2011	Cân kỹ thuật, thiết bị phụ trợ	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Trần Phúc Lợi
10	Độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011	Cân kỹ thuật, thiết bị phụ trợ	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Trần Phúc Lợi
11	Khối lượng riêng của cốt liệu trong bê tông nhựa	TCVN 8860:2011	Bình đựng mẫu; ; cân kỹ thuật; máy hút chân không; bình lọc; áp kế; nhiệt kế; tủ sấy; khay mẫu và các dụng cụ phụ trợ	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Trần Phúc Lợi
12	Thiết kế liều lượng bê tông nhựa	TCVN 8820 : 2011	Máy tính, thiết bị phụ trợ	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Trần Phúc Lợi
XI	Thí nghiệm hiện trường			
1	Xác định Mô đun hồi bằng tấm ép cứng	TCVN 8861-2011	Xe ô tô chất tải; kít thủy lực; tấm ép cứng; đồng hồ đo biến dạng; giá đỡ; cần đo; cát chuẩn sạch.	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Trần Bá Phúc
2	Xác định Mô đun hồi bằng cần Benkelman	TCVN 8867-2025	Xe tiêu chuẩn; cần benkenmal; nhiệt kế; đồng hồ bấm giây và các dụng cụ phụ trợ	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Trần Bá Phúc
3	Khối lượng thể tích của vật liệu trong lớp kết cấu (Phương pháp rót cát)	22TCN 346-2006	Bộ phễu rót cát; cát chuẩn; cân kỹ thuật; tủ sấy và các dụng cụ phụ trợ	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Trần Bá Phúc

4	Khối lượng thể tích của vật liệu trong lớp kết cấu (Phương pháp dao dai)	22TCN 02-1971 TCVN 8729-2012	Dao dai; cân kỹ thuật; dao gạt; hộp nhômm; tủ sấy và các dụng cụ phụ trợ	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Trần Bá Phúc
5	Độ ẩm của vật liệu	22 TCN 02-1971 TCVN 4196-2012	Cân kỹ thuật; tủ sấy; bình hút ẩm; hộp đựng mẫu	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Trần Bá Phúc
6	Độ bằng phẳng bằng thước 3m	TCVN 8864-2011	Thước thẳng 3m; con nôm; chổi quét	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Trần Bá Phúc
7	Xác định độ nhám mặt bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866-2011	Cân kỹ thuật; cát chuẩn; ống đồng; bàn xoa bàn chải sắt; thước lá; thiết bị chắn gió	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Trần Bá Phúc
8	Xác định cường độ nén của bê tông bằng các súng loại bật nảy	TCVN 9334:2012	Súng bật nảy	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Trần Bá Phúc
9	Thí nghiệm xuyên động DCP	ASTM D6951	Thiết bị xuyên DCP	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Trần Bá Phúc
10	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT	TCVN 9351-2012	Ống mẫu SPT; tạ; đế nện; cần định hướng; máy đóng SPT (Máy khoan địa chất công trình)	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Trần Bá Phúc
11	Sức chịu tải CBR	TCVN 8821:2011 ASTM D4429-84	Bộ dụng cụ CBR	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Trần Bá Phúc
12	Phương pháp xung siêu âm xác định tính đồng nhất của bê tông cọc khoan nhồi	TCVN 9396:2012	Thiết bị xung điện siêu âm	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Trần Phúc Lợi
13	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường	TCVN 10184:2021	Bộ thiết bị thí nghiệm cắt cánh	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Trần Phúc Lợi
XII	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của đất, đá dăm, đá gia cố chất kết dính			
1	Thí nghiệm đầm nén	TCVN12790-2020	Bộ đầm nén, cân kỹ thuật	Lê Hoài Phìn

				Ngô Thanh Phong Huỳnh Trần Mỹ Hân Nguyễn Thị Tuyết Sương Trần Bá Phúc
2	Cường độ kháng ép	TCVN 8862:2011	Máy nén, khuôn mẫu, giá đỡ	Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Huỳnh Trần Mỹ Hân Nguyễn Thị Tuyết Sương Trần Bá Phúc
3	Cường độ kéo khi bừa	TCVN 8862:2011	Máy nén, khuôn mẫu, giá đỡ	Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Huỳnh Trần Mỹ Hân Nguyễn Thị Tuyết Sương Trần Bá Phúc
4	Mô đun đàn hồi	TCCS 38:2022/TCĐBVN	Thiết bị thí nghiệm nén, đồng hồ thiên vân kế, cân,,,	Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong Huỳnh Trần Mỹ Hân Nguyễn Thị Tuyết Sương Trần Bá Phúc
XIII Phép thử cơ học của kim loại và mối hàn				
1	Kim loại - Phương pháp thử kéo	TCVN 197-2014	Máy kéo, uốn; cân kỹ thuật; máy cắt; thước lá	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong
2	Kim loại - Phương pháp thử uốn	TCVN 198-2008	Máy kéo, uốn; cân kỹ thuật; máy cắt; thước lá	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong
3	Mối hàn - Phương pháp thử kéo	TCVN 5403-1991	Máy kéo, uốn; cân kỹ thuật; máy cắt; thước lá	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong
4	Mối hàn - Phương pháp thử uốn	TCVN 5401-2010	Máy kéo, uốn; cân kỹ thuật; máy cắt; thước lá	Trần Văn Hạnh Lê Hoài Phìn Ngô Thanh Phong

Bảng số 02

TT	Tên máy móc, thiết bị thí nghiệm	Hãng sản xuất	Tình trạng hiệu chuẩn/kiểm định (<i>Số quyết định, ngày tháng ban hành, đơn vị thực hiện, thời hạn</i>)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Cần Benkenman	Hãng ELE (Anh)	Hoạt động bình thường/giấy chứng nhận số MT-G51025/01 ngày 14/10/2025; Công ty CP Kiểm định hiệu chuẩn đo lường miền trung tây nguyên (ĐK 576), thời hạn 2/2027

2	Cân kỹ thuật d = 0.1g	VIBRA (Nhật)	Hoạt động bình thường/giấy chứng nhận số MT-G51025/02 ngày 14/10/2025; (ĐK 576), thời hạn 9/2026
3	Cân địa (cân điện tử)	VIBRA (Nhật)	Hoạt động bình thường/giấy chứng nhận số MT-G51025/03 ngày 14/10/2025; (ĐK 576), thời hạn 9/2026
4	Cân kỹ thuật d = 0.01g	VIBRA (Nhật)	Hoạt động bình thường/giấy chứng nhận số MT-G51025/04 ngày 14/10/2025; (ĐK 576), thời hạn 9/2026
5	Cân kỹ thuật d = 0.01g	VIBRA (Nhật)	Hoạt động bình thường/giấy chứng nhận số MT-G51025/05 ngày 14/10/2025; (ĐK 576), thời hạn 9/2026
6	Phương tiện đo lực (máy cắt phẳng)	Trung Quốc	Hoạt động bình thường/giấy chứng nhận số MT-G51025/06 ngày 14/10/2025; (ĐK 576), thời hạn 12/2026
7	Phương tiện đo lực (vòng lực máy Marshall)	Trung Quốc	Hoạt động bình thường/giấy chứng nhận số MT-G51025/07 ngày 14/10/2025; (ĐK 576), thời hạn 12/2026
8	Phương tiện đo lực (vòng lực máy CBR)	Trung Quốc	Hoạt động bình thường/giấy chứng nhận số MT-G51025/08 ngày 14/10/2025; (ĐK 576), thời hạn 12/2026
9	Máy thử độ bền kéo nén (máy nén bê tông)	Trung Quốc	Hoạt động bình thường/giấy chứng nhận số MT-G51025/09 ngày 14/10/2025; (ĐK 576), thời hạn 12/2026
10	Máy thử độ bền kéo nén (máy kéo nén đa năng)	Trung Quốc	Hoạt động bình thường/giấy chứng nhận số MT-G51025/10 ngày 14/10/2025; (ĐK 576), thời hạn 12/2026
11	Máy thử độ bền kéo nén (máy nén vữa)	Trung Quốc	Hoạt động bình thường/giấy chứng nhận số MT-G51025/11 ngày 14/10/2025; (ĐK 576), thời hạn 12/2026
12	Phương tiện đo lực nén (máy nén không nở 4,5,6)	Trung Quốc	Hoạt động bình thường/giấy chứng nhận số MT-G51025/12 ngày 14/10/2025; (ĐK 576), thời hạn 12/2026
13	Đồng hồ So	Neuter Trung Quốc	Hoạt động bình thường/giấy chứng nhận số MT-G51025/13, MT-G51025/14, MT-G51025/15, MT-G51025/16, MT-G51025/17, MT-G51025/18 ngày 14/10/2025; (ĐK 576), thời hạn 01/2026
14	Phương tiện đo lực nén (máy nén không nở 1,2,3)	Trung Quốc	Hoạt động bình thường/giấy chứng nhận số MT-G51025/19 ngày 14/10/2025; (ĐK 576), thời hạn 12/2026
15	Phương tiện đo lực nén (bộ kích thủy lực và đồng hồ đo áp suất)	Trung Quốc	Hoạt động bình thường/giấy chứng nhận số MT-GT1125/01 ngày 17/11/2025; (ĐK 576), thời hạn 12/2026
16	Máy nén tam liên (21-2004)	Trung Quốc	

17	Máy cắt đất 2 tốc độ (24202)	Trung Quốc	
18	Bộ Valixiev	Việt Nam	
19	Bộ Casagrande	Trung Quốc	
20	Bộ Đầm nén tiêu chuẩn 931cm ³	Việt Nam	
21	Bộ Đầm nén tiêu chuẩn 2111cm ³	Việt Nam	
22	Bình hút ẩm thủy tinh	Việt Nam	
23	Tủ sấy Q-320683	Trung Quốc	
24	Tủ sấy (13860)	Trung Quốc	
25	Bộ sàng tiêu chuẩn D=20cm (13 rây+nắp+đế)	Trung Quốc	
26	Bộ sàng tiêu chuẩn D=20cm (8 rây)	Trung Quốc	
27	Sàng tiêu chuẩn D=20cm (4 rây)	Trung Quốc	
28	Sàng tiêu chuẩn D=20cm (2 rây)	Trung Quốc	
29	Sàng tiêu chuẩn D=20cm (3 rây)	Mỹ	
30	Ống đong 1000ml (thủy tinh)	Trung Quốc	
31	Ống đong 1000ml (Nhựa)	Trung Quốc	
32	Ống đong 500ml (Nhựa)	Trung Quốc	
33	Bộ thí nghiệm thấm	Trung Quốc	
34	Bộ cối chà đồng	Trung Quốc	
35	Dao vòng d=60	Trung Quốc	
36	Dao vòng d=78	Trung Quốc	
37	Bình tam giác tùy tinh 50ml; 250ml; 500ml; 1000ml	Trung Quốc	
38	Bình tròn tùy tinh 100ml	Trung Quốc	
39	Tỷ trọng kế loại B	Trung Quốc	
40	Hộp thí nghiệm độ ẩm (d=30mm); (d=60mm); (d=98mm)	Trung Quốc	
41	Máy LosAngeles (TC- 2011NT)	Việt Nam	
42	Bình rửa mẫu có vòi	Việt Nam	
43	Bộ xilanh thép 75/150mm	Việt Nam	
44	Thùng đong thể tích	Việt Nam	
45	Sàng tiêu chuẩn D=30cm (1 rây)	Mỹ	

46	Bộ sàng cấp phối đá dăm F300 (D=30cm, 12 rây+nắp+đế)	Trung Quốc	
47	Sàng tiêu chuẩn D=30cm (2 rây)	Trung Quốc	
48	Bộ sàng tiêu chuẩn D=30cm (8 rây+nắp+đế)	Trung Quốc	
49	Bộ chia mẫu	Việt Nam	
50	Cân Vibra	Nhật	
51	Cân Jadever 1g (4089293)	Nhật	
52	Máy CBR – Marshall (A0291)	Trung Quốc	
53	Bộ cối đầm mẫu ép chẻ	Trung Quốc	
54	Bộ khuôn mẫu CBR	Trung Quốc	
55	Khay trộn mẫu	Việt Nam	
56	Cân 60Kg	Trung Quốc	
57	Bộ thí nghiệm ép chẻ		
58	Máy trộn xi măng TNJJ-5 (20661)	Trung Quốc	
59	Bàn dẫn tạo mẫu Xi măng + khuôn (20313)	Trung Quốc	
60	Máy nén vữa Nyl 300-30T	Trung Quốc	
61	Khuôn đúc mẫu vữa xi măng (5x5x5)	Việt Nam	
62	Khuôn đúc mẫu vữa xi măng (4x4x16)	Trung Quốc	
63	Bộ Vica	Trung Quốc	
64	Bình khối lượng riêng xi măng	Trung Quốc	
65	Khuôn Le Chaterier	Trung Quốc	
66	Sàng TN xi măng (0.08 & 0.09mm)	Trung Quốc	
67	Bộ Côn thử độ lưu động vữa (0212012)	Trung Quốc	
68	Bộ kiểm tra giãn nở Le Chaterier	Trung Quốc	
69	Bình phễu thí nghiệm tác nước vữa	Trung Quốc	
70	Giá uốn mẫu xi măng	Việt Nam	
71	Bộ đế nén mẫu vữa 4x4x16	Việt Nam	
72	Khuôn mẫu 20x20x20	Việt Nam	
73	Khuôn mẫu 15x15x15	Việt Nam	
74	Khuôn mẫu 15x30	Trung Quốc	

75	Côn thử độ sụt bê tông 10x20x30	Việt Nam	
76	Côn thử độ sụt bê tông 15x30x45	Việt Nam	
77	Khuôn xác định độ tách nước BTXM	Trung Quốc	
78	Bộ rung mẫu bê tông	Trung Quốc	
79	Máy ép bê tông 200 T	Trung Quốc	
80	Khuôn mẫu 15x15x60	Việt Nam	
81	Máy trộn Ý loại bánh răng - Máy trộn bê tông 0.3m ³	Italia	
82	Bộ nắp tạo phẳng nén mẫu 15x30	Trung Quốc	
83	Khuôn thí nghiệm KLTT (chế bị)	Việt Nam	
84	Bộ thí nghiệm Kim lún (Điện tử)	Trung Quốc	
85	Bộ thí nghiệm hóa mềm	Trung Quốc	
86	Bộ thí nghiệm bắt lửa	Trung Quốc	
87	Máy thí nghiệm CBR/MAR (24142)	Trung Quốc	
88	Bộ cối, chày đầm Marshall	Trung Quốc	
89	Bộ kit mẫu Marshall (H0024925)	Trung Quốc	
90	Máy chiết nhựa 300gss	Trung Quốc	
91	Nồi bảo ôn	Trung Quốc	
92	Máy hút chân không	Trung Quốc	
93	Bình hút chân không (Chế bị)	Việt Nam	
94	Máy khoan bê tông nhựa	Trung Quốc	
95	Máy cắt gia công mẫu	Việt Nam	
96	Lò nung 1200 độ (14717)	Trung Quốc	
97	Lò nung 32748	Trung Quốc	
98	Máy trộn bê tông nhựa HJB	Trung Quốc	
99	Bộ Siolest tách nhựa	Đức	
100	Bộ sàng bê tông nhựa F300 (D=30cm 28 rây+nắp+đế)	Trung Quốc	
101	Bộ sàng tiêu chuẩn BTN D=30cm (28 rây+nắp+đế)	Trung Quốc	
102	Khuôn đúc mẫu marshall	Trung Quốc	
103	Bộ thí nghiệm ép chẻ	Trung Quốc	
104	Máy kéo, uốn vụn năng (100 tấn) (21020)	Trung Quốc	

105	Máy cắt thép	Việt Nam	
106	Thiết bị ép tĩnh - Bộ tấm ép cứng D33cm	Trung Quốc	
107	Thiết bị ép tĩnh - Bộ tấm ép cứng D34cm	Trung Quốc	
108	Kích thủy lực + Đồng hồ	Đức	
109	Bộ chùy xuyên Scala	Anh	
110	Bộ rót cát Mates	Italia	
111	Thuốc 3m	Trung Quốc	
112	Bộ thí nghiệm rắc cát	Việt Nam	
113	Súng bắn bê tông hiện trường	Nhật	
114	Bộ cần đo tấm ép cứng	Việt Nam	

Bảng số 03

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ/Bồi dưỡng nghiệp vụ thí nghiệm	Chức vụ/Nhiệm vụ ggược giao
1	Trần Văn Hạnh	12/12/1977	Kỹ sư xây dựng cầu đường/ Quản lý phòng thí nghiệm; Thí nghiệm viên xây dựng công trình giao thông	1. Quản lý phòng thí nghiệm. 2. Phân công công việc trong phòng thí nghiệm. 3. Xử lý hồ sơ. 4. Tham gia hoạt động thí nghiệm.
2	Lê Hoài Phìn	23/07/1989	Trung cấp địa chất/ Thí nghiệm viên xây dựng công trình giao thông	1. Thử nghiệm cơ lý xi măng, bitum đặc, lỏng, nước, bột khoáng. 2. Thử nghiệm bê tông và bê tông nhựa. 3. Thí nghiệm (cấp phối) cốt liệu cát, đá, sỏi, gạch, thiết kế thành phần BTXM, BTN. 4. Thí nghiệm cơ học đất và vật liệu đắp (đất+cát), cấp phối đá dăm và vật liệu gia cố chất kết dính. 5. Thí nghiệm hiện trường. 6. Xử lý hồ sơ.
3	Ngô Thanh Phong	04/12/1990	Trung cấp địa chất/ Thí nghiệm viên xây dựng công trình giao thông	1. Thử nghiệm cơ lý xi măng, bitum đặc, lỏng, nước, bột khoáng. 2. Thử nghiệm bê tông và bê tông nhựa. 3. Thí nghiệm (cấp phối) cốt liệu cát, đá, sỏi, gạch, thiết kế thành phần BTXM, BTN. 4. Thí nghiệm cơ học đất và vật

				liệu đắp (đất+cát), cấp phối đá dăm và vật liệu gia cố chất kết dính. 5.Thí nghiệm hiện trường.
4	Trần Phúc Lợi	13/12/1996	Kỹ sư địa chất/ Thí nghiệm viên xây dựng công trình giao thông	1. Thử nghiệm cơ lý xi măng, bitum đặc, lỏng, nước, bột khoáng. 2. Thử nghiệm bê tông và bê tông nhựa. 3. Thí nghiệm (cấp phối) cốt liệu cát, đá, sỏi, gạch, thiết kế thành phần BTXM, BTN. 4. Thí nghiệm cơ học đất và vật liệu đắp (đất+cát), cấp phối đá dăm và vật liệu gia cố chất kết dính. 5.Thí nghiệm hiện trường.
5	Huỳnh Trần Mỹ Hân	1982	Đại học/ Thí nghiệm viên đất xây dựng	1. Thí nghiệm tính chất cơ học đất, đá. 2. Thí nghiệm trong phòng và thí nghiệm hiện trường. 3. Xử lý hồ sơ.
6	Nguyễn Thị Tuyết Sương	1972	Phổ thông TH/ Thí nghiệm viên đất xây dựng	1. Thí nghiệm tính chất cơ học đất, đá. 2. Thí nghiệm trong phòng và thí nghiệm hiện trường. 3. Xử lý hồ sơ.
7	Trần Bá Phúc	1975	Cao đẳng/ Thí nghiệm viên đất xây dựng	1. Thí nghiệm tính chất cơ học đất, đá. 2. Thí nghiệm trong phòng và thí nghiệm hiện trường. 3. Xử lý hồ sơ.

(Ghi chú: tùy vào thời điểm công việc lãnh đạo phòng cân nhắc phân công một số công việc phù hợp với năng lực chuyên môn các thí nghiệm viên)

Xí nghiệp Tư vấn xây dựng công trình giao thông 5.1 cam kết chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác của thông tin gửi đăng tải; cam kết hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo nội dung đã công bố và tuân thủ các qui định của pháp luật./.

